

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LỨC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 04-9-2019

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Miên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Đặng Thị Bích Loan

2. Nguyễn Anh Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L.

Ngày 04 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 276/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2019, về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 42a/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đào Thị Ánh N, sinh năm 1983;

Địa chỉ: ấp 7, xã L, huyện B, tỉnh L. Có yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1977;

Địa chỉ : ấp 7, xã L, huyện B, tỉnh L. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12-4-2019, bản tự khai ngày 26-7-2019 và các lời trình bày trong các Biên bản tại Tòa án, nguyên đơn Đào Thị Ánh N trình bày:

Bà Đào Thị Ánh N và ông Nguyễn Văn T được mai mối và tiến tới hôn nhân. Được gia đình tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện C, tỉnh L vào ngày 31/10/2001. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung với gia đình chồng đến cuối năm 2006 do ông T không quan tâm gia đình, không lo làm ăn, chơi bời lêu lổng nên bà Nguyệt về nhà mẹ tại ấp 7, xã L sống, ông T cũng hối hận nên cùng về chung. Đến năm 2008 thì ông T quen với người phụ nữ khác nên hai người đã ly thân nhau một năm. Cuối năm 2009 ông T quay về năn nỉ và hứa chí thú làm ăn nên bà N cho cơ hội để hai vợ chồng hàn gắn. Cha mẹ bà N cho miếng đất và cất nhà làm ăn. Sau khi ông T quay về thì ông T cũng thường đi chơi nhưng vì con nên bà N chấp nhận. Đến tháng 2 năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do ông T không còn quan tâm vợ con và qua lại với người phụ nữ khác. Mặc dù sống chung nhà nhưng không quan tâm lẫn nhau và độc lập về kinh tế lẫn sinh hoạt.

Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Quá trình sống chung ông T, bà N có hai con chung tên Nguyễn Thị Thanh N sinh ngày 17/5/2003 và Nguyễn Trọng P sinh ngày 27/9/2005. Bà Nguyệt yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngoài ra, bà Nguyệt còn đề nghị Toà án giải quyết vụ án vắng mặt bà.

Ông Nguyễn Văn T đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; Biên bản không hoà giải được; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà nhưng ông T không có mặt bất kỳ buổi làm việc nào, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, và không có yêu cầu phản tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Đào Thị Ánh N yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Căn cứ Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ

tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn” và thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L.

[2] Bà Đào Thị Ánh N có yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt và yêu cầu không tiến hành hoà giải. Ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 207 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành giải quyết và xét xử vắng mặt bà N và ông T.

[3] Về hôn nhân: Bà Đào Thị Ánh N và ông Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn vào ngày 31/10/2001 tại Ủy ban nhân dân xã An Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre nên quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp. Theo bà N trình bày thì từ tháng 02/2017 vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mặc dù sống chung nhà nhưng không còn quan tâm lẫn nhau, chi tiêu riêng và không sinh hoạt vợ chồng nên bà Nguyệt yêu cầu ly hôn với ông T. Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có văn bản trình bày ý kiến, không có phương án hàn gắn tình cảm. Xét thấy, giữa hai người đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung đã không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Nguyệt và ông T có hai con chung Nguyễn Thị Thanh N sinh ngày 17/5/2003 và Nguyễn Trọng P sinh ngày 27/9/2005. Bà N yêu cầu được tiếp nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; hai con chung đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ; ông T không có ý kiến về vấn đề này. Xét thấy để đảm bảo điều kiện sống ổn định của con chung nên cần thiết giao con cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên ông T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Bà N, ông T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét. Nếu có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[6] Về nợ chung: Bà N xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T không có yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[7] Về án phí: Bà Đào Thị Ánh N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 207, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Ánh N. Cho bà Đào Thị Ánh N ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Bà Đào Thị Ánh N được quyền tiếp tục nuôi dưỡng các con chung tên Nguyễn Thị Thanh N sinh ngày 17/5/2003 và Nguyễn Trọng P sinh ngày 27/9/2005. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Bà Đào Thị Ánh N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005397 ngày 31-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh L. Bà Đào Thị Ánh N đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt Bản án hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện B;
- Cục THADS huyện B;
- UBND xã A, Huyện C, tỉnh B.
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký tên , đóng dấu)**

Hồ Thị Miên